

Số: 33/2021/QĐST-DS

TN, ngày 05 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 26; 147; 211, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 208; 209; 385; 504 của Bộ luật dân sự; Điều 98; 99 Luật Đất đai..

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 81/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2021

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà NTT, sinh năm 1952.

Trú quán: T 6, phường C H, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

2. Ông NQH, sinh năm 1963.

Trú tại: T2, phường TL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

3. Ông NTV, sinh năm 1958.

Trú tại: T5 (T 11 cũ), phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Nay chuyển về địa chỉ TDP Đ, phường ĐB, thành phố TN.

4. Ông NQH, sinh năm 1960.

Trú tại: T 1 (T 1A cũ), phường TL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: 1. Ông NCD, sinh năm 1955.

2. Bà PAL, sinh năm 1957.

Đều trú tại: T 17, phường HVT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Ông D và bà L ủy quyền cho ông NVC, sinh năm 1983.

Trú tại: T 17, phường HVT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Theo văn bản ủy quyền ngày 23/7/2021.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công nhận hợp đồng góp vốn ngày 05/6/2011 và Công nhận quyền sở hữu chung tài sản là Quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 986 diện tích 100m², tờ bản đồ số 7, đất ở tại đô thị, giấy chứng nhận QSD đất số cấp GCN:CH00907/NCN và thửa số 987 diện tích 142m² tờ bản đồ số 7, đất ở tại đô thị, giấy chứng nhận QSD đất số cấp GCN: CH00908/NCN, diện tích đất tại phường ĐQ, thành phố TN, giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đều mang tên bà PAL và ông NCD được UBND thành phố TN cấp cùng ngày 09/9/2011 và toàn bộ tài sản trên đất là tài sản thuộc sở hữu chung của bà NTT; Ông NQH; Ông NTV; Ông NQH; Ông NCD.

(Kèm theo là bản sao sơ đồ trích đo thửa đất)

Về án phí: Bà NTT; Ông NQH; Ông NTV; Ông NQH; Ông NCD; Bà PAL mỗi người phải chịu **150.000đ** (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước. Hoàn trả bà NTT; Ông NQH; Ông NTV; Ông NQH mỗi người **850.000đ** (Tám trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu của bà T số 0004996, của ông H số 0004995, của ông V số 0004993, của ông Huy số 0004997 đều cùng ngày 06/7/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố TN.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thành phố TN;
- THADS TPTN.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Duy Chính

